PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 9 Lesson 3 · Unit 10 Lesson 1 (SGK tr. 42–43)

Tuần 20

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Mẫu: Yy Zz

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Yy, Zz).

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

 ☐ams	 ☐ebra	 ☐illage	 ☐olleyball	 ☐uice

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

☐ams (khoai mỡ) ☐ogurt (sữa chua) ☐oo (sở thú)

☐ebu (bò u) ☐o-yos (con quay yo-yo)

Bài 4: Match – nối hình với từ

	●	●	zebra
	●	●	village
	●	●	volleyball
	●	●	juice
	●	●	yams

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. What do you want?	●	●	a. Tôi muốn một ít khoai mỡ.
2. I want some yams.	●	●	b. sở thú
3. zoo	●	●	c. ngựa vằn
4. zebra	●	●	d. Bạn muốn gì?

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. What do you ☐☐☐? – I want some yams. (A) see (B) draw (C) want

2. What do you want? – I ☐☐☐ some yogurt. (A) want (B) do (C) is

3. zebra nghĩa là gì? (A) sở thú (B) ngựa vằn (C) khoai mỡ

4. Từ nào bắt đầu bằng chữ z? (A) yams (B) box (C) zoo

onthi.app · phiếu bài tập in miễn phí có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 20

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái theo mẫu

Yy Zz

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu hoặc cuối

🍉 – **yams** 🦓 – **zebra** 🏘️ – **village** 🏐 – **volleyball** 🧃 – **juice**

Bài 3: Vocabulary – điền chữ cái đầu hoặc cuối (nghĩa trong ngoặc)

yams (khoai mỡ) **y**ogurt (sữa chua) **z**oo (sở thú) **z**ebu (bò u) **y**o-yos (con quay yo-yo)

Bài 4: Match – nối hình với từ

🍉 – **yams** 🦓 – **zebra** 🏘️ – **village** 🏐 – **volleyball** 🧃 – **juice**

Bài 5: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **d** 2 – **a** 3 – **b** 4 – **c**

Bài 6: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **C** (want) 2. **A** (want) 3. **B** (ngựa vằn) 4. **C** (zoo)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án